

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HS-ST
Ngày: 01-04-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – VĨNH LONG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Trần Thị Ngọc Dung
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Cơ Ba
Ông Nguyễn Trung Du

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 04 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2026/TLST-HS ngày 13/02/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2026/QĐXXST-HS ngày 13/03/2026 đối với bị cáo Nguyễn Văn E, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1980 tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Nơi ở hiện tại: ấp K, xã T, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Cao Thị D (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền sự: không; Tiền án: không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Văn E là bà Nguyễn Thị Hồng N – Luật sư của Văn phòng L2 thuộc đoàn luật sư tỉnh V (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn E là ông Lê Văn N1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung Tâm T3 tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- ***Bị hại:*** Bà Cao Thị D, sinh năm 1942 (đã chết).

Trú tại: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Cao Thị D là anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi đăng ký HKTT: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp K, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Trần Văn T, sinh năm 1982 (có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1988 (có mặt).

Cùng trú tại: ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị N2, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Trú tại: ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Chị Phạm Thị Hồng P, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Anh Phan Thanh P1, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Trú tại: ấp X, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

4. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Trú tại: ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

5. Chị Võ Thị L1, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Trú tại: ấp K, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

6. Ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Trú tại: ấp F, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 06 giờ 19 phút ngày 31/3/2025, anh Trần Văn T điều khiển xe mô tô biển số 64D1 - 189.50 chở vợ tên Nguyễn Thị Trúc L ngồi phía sau lưu thông trên Quốc lộ E theo hướng đi Vĩnh Long - Trà Vinh, anh T đi trên phần đường bên phải với tốc độ khoảng 40km/h. Khi đến đoạn đường thuộc ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long thì xảy ra va chạm với xe đạp do bị cáo Nguyễn Văn E điều khiển chở mẹ ruột là bà Cao Thị D ngồi phía sau lưu thông từ đường Tỉnh lộ 907 ra Quốc lộ E thì rẽ trái theo hướng đi Trà Vinh - Vĩnh Long sau đó chuyển hướng sang phần đường bên phải. Hậu quả vụ va chạm làm bà Cao Thị D bị chấn thương nặng và tử vong trên đường đi cấp cứu, đối với anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị Trúc L và bị cáo Nguyễn Văn E bị thương nhẹ, hai phương tiện bị hư hỏng.

Tại Kết luận giám định tử thi số 02 ngày 03/4/2025 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh V kết luận: Bầm máu dưới da đầu trán đỉnh, chằm phải, trái kích thước 25x25 cm, máu tụ cơ vùng thái dương phải kích thước 10x6 cm, xương sọ nứt nhiều đường phức tạp kích thước 13x0,2 cm, 7x0,2 cm, 6x0,2 cm. Nguyên nhân chết là do chấn thương sọ não.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Đoạn đường xảy ra vụ tai nạn là đường thẳng, có vạch kẻ đường đứt quãng màu vàng ở giữa phân chia thành hai

chiều xe chạy, phương tiện lưu thông theo hướng đi Vĩnh Long - Trà Vinh và chiều ngược lại, mặt đường trải bê tông nhựa, bề rộng 6 mét 80, tâm vạch kẻ đường màu vàng đứt quãng đo vào mép lề đường bên phải là 3 mét 45. Xác định trụ điện số 134 nơi mép đường bên phải làm điểm mốc. Chọn mép đường bên phải làm mép đường chuẩn. Xác định tâm vùng va chạm giữa xe mô tô biển số 64D1-189.50 với xe đạp đo vào lề chuẩn là 3 mét 10 và đo đến điểm mốc là 12 mét 33; Xác định tâm vùng va chạm là điểm chuẩn đo đến các dấu vết vị trí nạn nhân, phương tiện tại hiện trường.

Kết quả dựng lại hiện trường vụ tai nạn giao thông thể hiện: Đoạn đường xảy ra vụ tai nạn là đường thẳng, có vạch kẻ đường đứt quãng màu vàng ở giữa phân chia thành hai chiều xe chạy, phương tiện lưu thông theo hướng đi Vĩnh Long - Trà Vinh và chiều ngược lại, mặt đường trải bê tông nhựa, có bề rộng 6 mét 80, tâm vạch kẻ đường màu vàng đứt quãng đo vào mép lề đường bên phải theo hướng đi Vĩnh Long - Trà Vinh là 3 mét 45. Chọn trụ điện số 134 nơi mép đường bên phải làm điểm mốc. Chọn mép đường bên phải làm mép đường chuẩn. Vùng va chạm: T2 vùng va chạm đo vào lề chuẩn là 2 mét 70, tâm vùng va chạm đến điểm mốc là 13 mét 05, mốc đo ra lề chuẩn là 2 mét 28, xác định tâm vùng va chạm là điểm chuẩn đo đến các dấu vết vị trí nạn nhân, phương tiện tại hiện trường.

Ngày 31/3/2025 Công an xã T nay là Công an xã T, tỉnh Vĩnh Long lập biên bản thu giữ 01 (một) đoạn video có liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường bộ.

Tại Kết luận giám định số 227/KL-KTHS-KV3, ngày 18/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh V kết luận: Xe mô tô biển số 64D1-189.50 có va chạm với xe đạp. Bánh trước của xe mô tô biển số 64D1-189.50 va chạm đầu tiên với bánh trước của xe đạp. Không đủ cơ sở xác định vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện chiếu xuống mặt đường thuộc phần đường nào.

Tại Kết luận giám định số 182/2025/KLGD, ngày 22/5/2025 của Trung tâm P2 đối với Nguyễn Văn E kết luận theo tiêu chuẩn y học: Căn cứ Tiêu chuẩn chẩn đoán của Tổ chức Y tế thế giới về các rối loạn tâm thần và hành vi hiện hành (ICD-10); Căn cứ Thông tư số 23/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y ban hành quy trình giám định pháp y tâm thần và biểu mẫu sử dụng trong giám định pháp y tâm thần, các giám định viên tham gia giám định xác định bị cáo Nguyễn Văn E trước, trong, sau khi thực hiện hành vi vi phạm và thời điểm hiện tại đương sự có bệnh lý tâm thần phân liệt thể không biệt định (F20.3-ICD10).

Kết luận về khả năng nhận thức, điều khiển hành vi: Căn cứ Bộ luật Hình sự năm 2015; Căn cứ vào khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của đối tượng giám định trong từng thời điểm, đặc biệt tại thời điểm xảy ra vụ việc, các Giám định viên tham gia giám định thảo luận và xác định đối tượng giám định có tình trạng nhận thức, điều khiển hành vi: Tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm và

thời điểm hiện tại thì bị cáo Nguyễn Văn E bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, do giai đoạn bệnh thuyên giảm.

Tại Công văn số 182.1/PYTNTNB, ngày 22/5/2025 của Trung tâm P2 giải thích kết luận giám định pháp y tâm thần trường hợp Nguyễn Văn E về trách nhiệm hình sự: Tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm và thời điểm hiện tại Nguyễn Văn E có năng lực trách nhiệm hình sự.

Tại Cáo trạng số: 37/CT- VKSKV4 ngày 11 tháng 02 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn E về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn E và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn E phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Em mức án từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Đề nghị miễn khẩu trừ thu nhập; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo E; Vụ án không còn vật chứng bị tạm giữ. Đề nghị tiếp tục lưu trữ vào hồ sơ vụ án 01 (một) đoạn video liên quan đến vụ tai nạn giao thông. Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn C1 không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn E bồi thường thiệt hại. Anh Trần Văn T đã tự nguyện hỗ trợ cho gia đình bà Cao Thị D với số tiền 71.000.000 đồng (bảy mươi một triệu đồng), trong đó hỗ trợ số tiền 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng) chi phí đám tang của bà Cao Thị D, nay hỗ trợ thêm 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) do người đại diện hợp pháp của bà D là anh C1 nhận. Anh Nguyễn Văn C1 không yêu cầu gì thêm nên không xem xét. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo E.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn E thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo E không nói lời nói sau cùng. Anh T tự nguyện hỗ trợ thêm cho bà Cao Thị D số tiền 30.000.000 đ cộng với số tiền đã hỗ trợ trước là 41.000.000đ, tổng cộng là 71.000.000đ, anh C1 đại diện bà D đã nhận xong, nay không yêu cầu anh T, chị L và bị cáo E bồi thường thiệt hại.

Ý kiến của Luật sư Nguyễn Thị Hồng N bào chữa cho bị cáo E: Thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Nguyễn Văn E mức án nhẹ nhất do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý Lê Văn N3 bào chữa cho bị cáo E: Thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình

tiết giảm nhẹ cho bị cáo Nguyễn Văn E mức án nhẹ nhất, bị cáo điều khiển xe chở mẹ là bà D xảy ra tai nạn là ngoài ý muốn, bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo E đã thừa nhận hành vi vào sáng ngày 31/3/2025, bị cáo đã điều khiển xe đạp chở mẹ ruột là bà Cao Thị D ngồi phía sau lưu thông từ đường Tỉnh lộ 907 ra đường Q. Đến đoạn thuộc ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long thì rẽ trái đi trên phần đường bên trái của Quốc lộ E theo hướng đi từ Trà Vinh - Vĩnh Long, đang chuyển hướng sang phần đường bên phải thì xảy ra va chạm với xe mô tô biển số kiểm soát 64D1-189.50 do anh Trần Văn T điều khiển đi phía bên phải trên đường Q hướng đi Vĩnh Long - Trà Vinh. Hậu quả làm bà Cao Thị D chết. Lỗi trong vụ tai nạn giao thông là do bị cáo Nguyễn Văn E điều khiển xe đạp đi không đúng phần đường quy định và chuyển hướng không đảm bảo an toàn, đã vi phạm vào khoản 1 Điều 10 và khoản 3 Điều 15 Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

[3] Tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người”.

[4] Xét thấy, bị cáo E tham gia giao thông đã vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ là điều khiển xe đạp đi không đúng phần đường quy định và chuyển hướng không đảm bảo an toàn hậu quả làm bà Cao Thị D chết, đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội được pháp luật hình sự quy định, bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi vô ý. Hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết giảm nhẹ, khi phạm tội bị cáo E đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức và khả

năng điều khiển hành vi, bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, các tình tiết này được quy định tại điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đảm bảo việc răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Do bị cáo E là người có hoàn cảnh khó khăn, không nghề nghiệp nên xét miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng: Đã trả 01 (một) xe mô tô biển số 64D1-189.50 cho anh Trần Văn T, 01 (một) xe đạp cho bị cáo Nguyễn Văn E nhận lại xong.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bà Cao Thị D không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn E phải bồi thường thiệt hại. Anh Nguyễn Văn C1 đại diện hợp pháp của bà D đã nhận xong số tiền 71.000.000 đồng (bảy mươi một triệu đồng) do anh Trần Văn T tự nguyện hỗ trợ cho bà Cao Thị D, nay không yêu cầu gì thêm. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo Em do thuộc trường hợp người khuyết tật nên được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn E phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn E 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh V nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn E cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long để giám sát, giáo dục. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Vĩnh Long trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Văn E.

2. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu trữ vào hồ sơ vụ án 01 (một) USB có chứa đoạn video liên quan đến vụ tai nạn giao thông đường bộ.

3. Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bà Cao Thị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn E được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long
- CA tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Bị cáo
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Ngọc Dung

